

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 785/2022/HC-PT
Ngày 21 tháng 9 năm 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 139/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 688/2021/QĐPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lưu Văn Ch, sinh năm 1960. Nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Q, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh; Ông Lương Nguyễn Đăng D, chức vụ: Phó Giám

độc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; Ông Nguyễn Bảo Ch, chức vụ: Trưởng phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; Ông Nguyễn Hữu Th, chức vụ: Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ph – Phó Chủ tịch (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn C, chức vụ: Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện T1, tỉnh Tây Ninh; Ông Nguyễn Tuấn S, chức vụ: Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Chí Tr, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2/. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4/. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và lời khai của ông Lưu Văn Ch là người đại diện hợp pháp của bà L trình bày:

Phần đất 1,5ha bà L đang khiếu kiện có nguồn gốc của ông Bảy S khai phá vào năm 1984. Đến năm 1991, cha mẹ bà L là ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Liên đã mua lại phần đất này và tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay. Năm 1992, ông D có trồng cây cao su. Khi mua đất của ông Bảy S chỉ viết giấy tay mua bán và giấy này đã bị thất lạc; hiện tại ông Bảy S không còn sinh sống tại địa phương, không rõ đi đâu.

Do cây cao su già cỗi nên năm 2012 cha mẹ bà L chặt bỏ cây cũ và trồng mới lại cây cao su trên đất cho đến nay. Năm 2015, ông D, bà L đã tặng cho bà L phần đất này và bà L quản lý sử dụng cho đến nay.

Từ khi khai phá, sử dụng đất đến nay không có cơ quan Nhà nước nào

thông báo hay nhắc nhở đây là đất lâm nghiệp phải trồng rừng; gia đình bà chưa lần nào bị lập biên bản vi phạm do lấn chiếm rừng phòng hộ của Nhà nước quản lý.

Ngày 05/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T1 ban hành Quyết định số 4067/QĐ-KPHQ về việc “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” đối với bà L. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Lý do: Không ra quyết định xử phạt do hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính; biện pháp khắc phục hậu quả gồm: “Buộc trả lại đất đã lấn chiếm có diện tích 1,5ha, tại lô 95, khoảnh 1, Tiểu khu 61 cho Ban quản lý (sau đây viết tắt là BQL) Khu rừng phòng hộ D”.

Ngày 06/6/2019, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 1915/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà L. Do không đồng ý nên bà L khiếu nại các quyết định nêu trên.

Ngày 20/8/2019, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 3070/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà L, với nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà L. Do không đồng ý với quyết định này nên bà L tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Ngày 26/11/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2558/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại (lần 2), với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L; công nhận Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 3070/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1.

Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số: 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018, Quyết định số 1915/QĐ-CCXP ngày 06/6/2019 và Quyết định 3070/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 đều của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1; Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189091 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho BQL Khu rừng phòng hộ D. Đồng thời, công nhận diện tích đất 1,5 ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà L để bà L có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông là cha của bà Nguyễn Thị L. Ông thống nhất với lời trình bày của bà L. Nay ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là mẹ của bà Nguyễn Thị L. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L và lời trình bày của ông D. Bà có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Trung H:

Ông Lưu Văn Ch là người đại diện hợp pháp cho bà L trình bày: Ông Nguyễn Trung H là chồng của bà L. Phần đất bà L đang khiếu kiện có nguồn gốc là của cha mẹ bà L cho riêng cá nhân bà L và bà L là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này; ông H không cùng bà L sử dụng phần đất này nên không liên quan đến ông H. Đề nghị Tòa án không đưa ông H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, ông Ch là người đại diện hợp pháp cho bà L trình bày: Hiện tại bà L không biết rõ địa chỉ nơi ông Nguyễn Trung H đang sinh sống nên không liên lạc được với ông H. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông H.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

UBND tỉnh Tây Ninh có Công văn số 446/UBND-TD ngày 09/3/2020, với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189091 cho BQL Khu rừng phong hộ D.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh có Công văn số 448/UBND-TD ngày 09/3/2020, với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số: 2558/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị L.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh: Chủ tịch UBND huyện T1 có Công văn số 1620/UBND ngày 12/5/2020, với nội dung: Giữ nguyên các quyết định gồm: Quyết định số: 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1915/QĐ-CCXP ngày 06/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định 3070/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D có Công văn số 177/KRDT ngày 05/3/2020, với nội dung:

Diện tích đất 1,5ha tại lô số 95, khoảnh 1, Tiểu khu 61 Khu rừng phòng hộ D có nguồn gốc là đất lâm nghiệp đã được UBND tỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp kể từ sau ngày thống nhất đất nước 30/4/1975. Ngày 11/12/1989, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 121/QĐ-UB về việc thành lập Ban quản lý Xây dựng rừng phòng hộ lưu vực hồ nước D với nhiệm vụ xây dựng vốn rừng trên lưu vực hồ nước D để bảo vệ công trình.

Ngày 20/12/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2669/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ

D với diện tích đất 326.998.045,1m² tại các xã SN, xã SD, xã T, xã T2, huyện T1 và xã SD, huyện D1. Riêng diện tích tại xã T là 60.591.470,9m², thuộc 16 tờ bản đồ, gồm 3619 thửa đất. Đối với phần diện tích đất 1,5ha tại lô số 95, khoảnh 1, Tiểu khu 61 Khu rừng phòng hộ D mà bà Nguyễn Thị L đang khiếu kiện là thuộc một phần trong tổng diện tích 33.673.714,9m² đất rừng phòng hộ (RPH) tại xã T do Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D quản lý và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

Quyết định số 1915/QĐ-CCXP ngày 06/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Quyết định 3070/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu;

Quyết định số: 2558/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai;

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189091 ngày 20/12/2013 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho BQL Khu rừng phòng hộ D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/10/2020, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm người đại diện ủy quyền của

người bị kiện cung cấp các quyết định của Chủ tịch UBND huyện T1, được sửa đổi bổ sung sau khi xét xử sơ thẩm, gồm: Quyết định số 1565/QĐ-SĐBSHB ngày 29/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L; Quyết định số 2364/QĐ-SĐBSCCXP ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L; Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần đầu); Quyết định 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần 2); Quyết định số 3061/QĐ-SĐBSHB ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi một phần Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L (lần 2); Quyết định số 3064/QĐ-SĐBSCCXP ngày 12/8/2022 sửa đổi một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L (lần 2).

- *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:* Việc Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành các Quyết định mới có nội dung thay đổi, bổ sung các quyết định đã ban hành là đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị L (có ông Lưu Văn Ch đại diện theo ủy quyền) không đồng ý với các quyết định này, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời yêu cầu hủy các quyết định bổ sung trên của Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà L không có chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 1,54 ha nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện cung cấp các quyết định hành chính mới của Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh có nội dung sửa đổi quyết định hành chính bị khiếu kiện, thấy rằng: Các quyết định hành chính mới do người bị kiện cung cấp tại phiên tòa chỉ có nội dung sửa đổi quyết định đã ban hành trước đó không làm phát sinh nội dung mới, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, cũng không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà họ chưa được tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm. Đồng thời bà L không đồng ý rút đơn khởi kiện, vẫn giữ

nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy các quyết định đã khởi kiện và đề nghị hủy các quyết định mới do Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành nên không thuộc trường hợp phải hủy bản án để xét xử sơ thẩm lại theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 235 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính tiếp tục xem xét yêu cầu khởi kiện của bà L và tính hợp pháp của các quyết định mới ban hành nêu trên.

Đối với những người vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc phần đất, hồ sơ vụ án thể hiện:

Phần đất có diện tích 1,5 ha bà L đang khiếu kiện có nguồn gốc là đất lâm nghiệp do Nhà nước quản lý, sử dụng từ khi Chính phủ phê duyệt công trình hồ D năm 1979 đến nay. Năm 1985, đưa vào khai thác, sử dụng hồ D. Ngày 11/12/1989, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 121/QĐ-UB về việc thành lập BQL xây dựng rừng phòng hộ lưu vực hồ nước D, với nhiệm vụ xây dựng vốn rừng trên lưu vực hồ nước D để bảo vệ công trình này. Năm 1991, được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt dự án công trình xây dựng rừng phòng hộ khu vực hồ D Tây Ninh - Sông Bé.

Đến năm 1993, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành các Quyết định về việc thành lập các BQL rừng phòng hộ như sau: Quyết định số 64/QĐ.UB ngày 08/5/1993 về việc thành lập BQL Dự án rừng phòng hộ TD - BB; Quyết định số 78/QĐ.UB ngày 17/6/1993 về việc thành lập BQL Dự án rừng phòng hộ Bắc suối Bà Chiêm; Quyết định số 77/QĐ.UB ngày 17/6/1993 về việc thành lập BQL Dự án rừng phòng hộ T - SD. Năm 1995, UBND tỉnh tiến hành giao diện tích 40.160 ha đất lâm nghiệp thuộc huyện T1 và huyện D1 cho các BQL Dự án rừng quản lý, trong đó giao BQL Dự án rừng phòng hộ T - SD quản lý 7.450 ha, thuộc xã T và SD, huyện T1 theo Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 28/6/1995 (trong đó có diện tích đất ông Luân, đang khiếu kiện). Đến ngày 26/3/1996, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 30/QĐ.UB về việc thành lập Ban quản lý Dự án Rừng Phòng hộ D trực thuộc Sở Nông Lâm Nghiệp, trên cơ sở sáp nhập 05 Ban quản lý nhỏ nêu trên.

Ngày 25/11/1997, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 394/1997/QĐ-UB về việc giao đất lâm nghiệp cho BQL Dự án rừng phòng hộ hồ D với diện tích 33.107 ha đất lâm nghiệp tại xã SD, huyện D1; các xã T2, T, SD, huyện T1. Ngày 21/6/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1360/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D (trên cơ sở BQL Dự án rừng phòng hộ D). Ngày 20/12/2013, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số

2669/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý khu rừng phòng hộ D.

[2.2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, thấy rằng:

Công trình hồ D được Chính phủ phê duyệt năm 1979, khởi công xây dựng từ năm 1981, đưa vào sử dụng từ năm 1985; đây là công trình thủy lợi đặc biệt cấp quốc gia, có tổng diện tích 27.000 ha đất bán ngập do nhà nước quản lý.

Toàn bộ diện tích đất 1,5ha bà L đang khiếu kiện nằm trong tổng diện tích 7.450 ha đã được UBND tỉnh Tây Ninh giao cho BQL Dự án rừng phòng hộ T - SD quản lý đến năm 1993 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho BQL Khu rừng phòng hộ D với diện tích 326.998.045,1m² (32.699,8 ha).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Văn Ch là người đại diện hợp pháp cho bà L trình bày: Phần đất bà L đang khiếu kiện có diện tích 1,5ha do gia đình bà L nhận chuyển nhượng công khai phá của người khác, không lấn chiếm đất của Nhà nước. Tuy nhiên, việc nhận chuyển nhượng công khai phá đất này của gia đình bà L không được Nhà nước công nhận. Hơn nữa như đã nhận định trên, đất này thuộc rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý. Do đó, ngày 05/10/2018, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 4067/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị L. Buộc bà L trả lại đất đã lấn, chiếm có diện tích 1,5ha, tại lô 95, khoảnh 1, Tiểu khu 61 cho BQL Khu rừng phòng hộ D là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3]. Tóm lại:

Từ những phân tích, nhận định trên; Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ y bản án hành chính sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

+ Quyết định số 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

+ Quyết định số 1915/QĐ-CCXP ngày 06/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

+ Quyết định 3070/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu;

+ Quyết định số: 2558/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai;

+ Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189091 ngày 20/12/2013 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho BQL Khu rừng phòng hộ D.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc hủy các quyết định thay đổi, bổ sung của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, gồm:

+ Quyết định số 1565/QĐ-SĐBSHB ngày 29/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L;

+ Quyết định số 2364/QĐ-SĐBSCCXP ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L;

+ Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần đầu);

+ Quyết định 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần 2).

+ Quyết định số 3061/QĐ-SĐBSHB ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi một phần Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L (lần 2);

+ Quyết định số 3064/QĐ-SĐBSCCXP ngày 12/8/2022 sửa đổi một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L (lần 2).

3/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001402 ngày 12/10/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh; đương sự đã thực hiện xong.

4/. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Mười

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết